TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **28**/2020/QĐST-HNGĐ	*Nam Đàn, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Chị Quách Thị Mỹ H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm HS, xã VD, (nay là Khối HS, thị trấn Nam Đàn), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Anh Nguyễn Trần B, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm HS, xã VD, (nay là Khối HS, thị trấn Nam Đàn), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quách Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trần B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trần B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo Đ, sinh ngày 14/11/2018. Anh B và chị H thống nhất giao con Nguyễn Trần Bảo Đ cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Quách Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quách Thị Mỹ H và anh Nguyễn Trần B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Quách Thị Mỹ H thỏa thuận chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002482 ngày 16/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi Cục THADS huyện.Nam Đàn;
- UBND phường MC, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

Lê Văn Phú